

Số: 38/2026/QĐST-KDTM

Hà nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 29/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 53/2026/TLST-KDTM ngày 16/4/2026;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N;**

Trụ sở: 02 L, phường G, thành phố Hà Nội;

Do Bà **Nguyễn Thị T** và Ông **Nguyễn Hải T1** làm đại diện theo giấy ủy quyền số 1031/UQ-NHNo.SH-TH ngày 24/4/2026 của ông **Lê Thanh H** trên cơ sở Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc **Ngân hàng N**.

Bị đơn: **Công ty cổ phần T3;**

Trụ sở: **Số A ngõ F đường N, phường L, thành phố Hà Nội.**

Do bà **B Lê Thị D** giám đốc làm đại diện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Phạm Thu T2 sinh năm 1997;**

Nơi thường trú: **Số nhà C ngõ B đường Đ, phố K, phường H, tỉnh Ninh Bình.**

Do bà **Lê Thị D** làm đại diện theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 310/2026/CCGD ngày

05/3/2026 của Văn phòng C1.

Bà **Trần Thị Vân A** sinh năm 1989 và ông **Đỗ Phi C** sinh năm 1988;

Nơi thường trú: Phố C Phường H, tỉnh Ninh Bình.

Do bà **Lê Thị D** làm đại diện theo biên bản ghi nhận ủy quyền lập ngày 01/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Công ty Cổ phần T3** công nhận còn nợ **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện theo Hợp đồng tín dụng số 1502LAV202300006 ký ngày 06/01/2023 với số nợ là 12.324.429.935 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 8.445.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.818.520.692 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.060.909.243 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 30/03/2026);

2.2. **Công ty Cổ phần T3** cam kết thanh toán cho **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện số tiền Nợ gốc: 8.445.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 1502LAV202300006 ký ngày 06/01/2023 hạn cuối cùng là ngày 30/6/2026;

2.3. Đối với số tiền Nợ lãi trong hạn: 2.818.520.692 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.060.909.243 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 30/03/2026) sẽ giải quyết như sau:

+ Trên cơ sở Đơn đề nghị Miễn giảm lãi của **Công ty Cổ phần T3** hoặc Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 hoặc Bà **Trần Thị Vân A** sinh năm 1989 và ông **Đỗ Phi C** sinh năm 1988 thì **Ngân hàng N** thông qua **chi nhánh S** sẽ tiến hành xem xét Miễn giảm lãi cho **Công ty Cổ phần T3** hoặc Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 hoặc Bà **Trần Thị Vân A** sinh năm 1989 và ông **Đỗ Phi C** sinh năm 1988 khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của **Ngân hàng N**.

+ Trường hợp **Ngân hàng N** thông qua **chi nhánh S** chấp thuận Miễn giảm lãi theo quy định của pháp luật và quy chế của **Ngân hàng N** thì **Công ty Cổ phần T3** hoặc Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 hoặc Bà **Trần Thị Vân A** sinh năm 1989 và ông **Đỗ Phi C** sinh năm 1988 phải thanh toán tiền lãi còn lại thời hạn cuối cùng là ngày 30/6/2026 theo thông báo cụ thể của **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện.

+ Trường hợp **Công ty Cổ phần T3** hoặc Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 hoặc Bà **Trần Thị Vân A** sinh năm 1989 và ông **Đỗ Phi C** sinh năm 1988 không được **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện chấp thuận miễn giảm lãi thì **Công ty Cổ phần T3** phải thanh toán cho **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện toàn bộ số tiền nợ gốc và số nợ tiền lãi nêu trên chậm nhất vào ngày 30/6/2026.

2.4. **Công ty Cổ phần T3** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 8.445.000.000 đồng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1502LAV202300006 ký ngày 06/01/2023 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc;

2.5. Trong trường hợp Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 thanh toán trả cho **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện số tiền Nợ gốc 2.519.400.000 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 2.519.400.000 đồng theo thông báo miễn giảm lãi của ngân hàng (Nếu được **Ngân hàng N** đồng ý miễn, giảm lãi) hạn cuối cùng là ngày 30/6/2026; Thì **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện phải có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp và trả lại Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 622157; sổ vào sổ cấp GCN: CS 01815 do **Sở T4** cấp ngày 06/04/2022 mang tên **Phạm Thu T2**;

2.6. Trong trường hợp **Công ty Cổ phần T3** hoặc Bà **Phạm Thu T2** sinh năm 1997 vi phạm kế hoạch thanh toán nào nêu trên thì **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện có quyền áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ số tiền còn thiếu:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 146; Tờ bản đồ số: 45; Địa chỉ: **phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là: phường N, tỉnh Ninh Bình)**; Diện tích: 114 m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 622157; số vào sổ cấp GCN: CS 01815 do **Sở T4** cấp ngày 06/04/2022 mang tên **Phạm Thu T2** để thu hồi số nợ gốc 2.519.400.000 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 2.519.400.000 đồng theo thông báo của Ngân hàng.

Khi **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì những người đang sinh sống và cư trú tại tài sản thế chấp có trách nhiệm di dời tài sản cá nhân ra khỏi tài sản thế chấp nêu trên.

+ Quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: BMW, màu sơn: đen, biển số: 35A-232.33, số máy: F1713751B48B20B, số khung: WBA7T01010CE96283 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35002206 do **Phòng C2 - Công an tỉnh N** cấp ngày 13/04/2021 mang tên bà **Phạm Thu T2** để thu hồi số nợ gốc 3.412.500.000 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 3.412.500.000 đồng theo thông báo của Ngân hàng.

+ Quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ, màu sơn: trắng, biển số: 35A-147.82, số máy: 492031716704, số khung: 4GB8KV007540 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023093 do **Phòng C2 - Công an tỉnh N** cấp ngày 23/05/2019 mang tên bà **Trần Thị Vân A** để thu hồi số nợ gốc 1.350.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 1.350.000.000 đồng theo thông báo của Ngân hàng.

2.7. Trong trường hợp sau khi tiến hành xử lý tài sản thế chấp hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp nêu trên mà không thu đủ số nợ của **Công ty Cổ phần T3** theo Hợp đồng tín dụng số 1502LAV202300006 ký ngày 06/01/2023 thì **Công ty Cổ phần T3** có trách nhiệm trả hết số tiền còn thiếu đồng thời **Ngân hàng N** do **Chi nhánh S** làm đại diện có quyền đề nghị Các Cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản của Công ty Cổ phần TBNC theo quy định của pháp luật để thu hồi số nợ còn thiếu.

2.8. Về án phí:

Công ty Cổ phần T3 chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.160.000 đồng (Sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng);

Ngân hàng N do **Chi nhánh S** làm đại diện không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Do đó được nhận lại Số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 63.500.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019048 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

